

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khóa;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2020 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị K**, sinh năm 1991.

Địa chỉ cư trú: Xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Vũ Xuân Đ**, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan.

3. Người làm chứng: Ông **Vũ Xuân Đ1**, sinh năm 1948. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 16/10/2010 đăng ký tại UBND xã G (Nay là xã Y), huyện G, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau do thiếu sự tin tưởng. Năm 2014 anh Đ đi lao động tại Đài Loan. Năm 2017 anh Đ về Việt Nam thăm gia đình, chị K đã làm đơn xin ly hôn tuy nhiên do được gia đình động viên nên chị đã rút đơn. Sau đó anh Đ quay lại Đài Loan làm ăn. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị K đã đưa con gái về nhà bố mẹ để sống ở tại Xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương và vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn liên lạc với nhau. Nay chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung là Vũ Thị Hà L, sinh ngày 11/9/2011. Hiện cháu đang ở cùng với chị K, do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu L khi vợ chồng ly hôn và tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Cháu L cũng có nguyện vọng được ở với mẹ

Về quan hệ tài sản chung: Chị và anh Đ không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai, bố đẻ của anh Vũ Xuân Đ là ông Vụ Văn Đ1 bày: Ông Đ1 là bố đẻ của anh Vũ Xuân Đ và chị Vũ Thị K là vợ anh Đ và là con dâu của ông. Anh Đ và chị K kết hôn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Y. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống chung cùng gia đình ông. Mâu thuẫn của anh Đ và chị K cụ thể thì ông cũng không nắm được. Năm 2014 anh Đ đi lao động tại Đài Loan. Do anh Đ không nói địa chỉ cụ thể nên ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Đ tại Đài Loan cho Tòa án được. Gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với anh Đ nên ông Đ1 nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho anh Đ biết việc chị K đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đồng thời thông báo nội dung các văn bản tố tụng của tòa án cho anh Đ biết. Qua trao đổi thì ông được anh Đ cho biết anh Đ có quan điểm rằng vợ chồng ly thân đã lâu, hiện anh Đ không có mặt ở Việt Nam nên đề nghị tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật. Anh Đ xác định vợ chồng có 01 con chung là Vũ Thị Hà L, sinh ngày 11/9/2011, hiện đang ở với chị K. Khi ly hôn chị K có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con thì anh Đ không có ý kiến gì, đề nghị tòa án giải

quyết vụ án theo pháp luật. Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc thường xuyên thay đổi địa chỉ nên anh Đ không thể cung cấp địa chỉ cụ thể, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh Đ và tổng đạt các văn bản thông qua bố đẻ anh là ông Đ1. Ông Đ1 đồng ý nhận thay để thông báo cho anh Đ. Ngoài ra ông Đ1 không trình bày hay có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án đưa vụ án ra giải quyết trong khi thời hạn xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 476 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 259 Bộ Luật Tố tụng dân sự, tạm ngừng phiên tòa, tiếp tục yêu cầu đương sự cung cấp địa chỉ tại nước ngoài của bị đơn đến khi hết thời hạn chuẩn bị xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Chị Vũ Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vũ Xuân Đ là người Việt Nam hiện đang lao động tại Đài Loan, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Chị K chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh Đ ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của anh Đ tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu bố đẻ anh Đ là ông Vụ Văn Đ1 cung cấp địa chỉ của anh Đ đến lần thứ hai nhưng ông Đ1 cũng không biết địa chỉ của anh Đ tại Đài Loan. Tuy nhiên ông Đ1 vẫn liên lạc được với anh Đ nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho anh Đ. Đồng thời, Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị K vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Đ vắng mặt mặc dù đã được Tòa án thông báo qua thân nhân và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị K và anh Đ là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh Đ tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký ngày 16/10/2010 tại UBND xã G (Nay là xã Y), huyện G, tỉnh Hải Dương nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Năm 2014 anh Đ đi lao động tại Đài Loan. Năm 2017 anh Đ về Việt Nam thăm gia đình, chị K đã làm đơn xin ly hôn tuy nhiên do được gia đình động viên nên chị đã rút đơn. Sau đó anh Đ quay lại Đài Loan làm ăn, chị K đã đưa con gái về nhà bố mẹ để sống ở tại Xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương và vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn liên lạc với nhau. Nay chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Xét thấy hôn nhân của chị K và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không Đ1 được. Thông qua ông Đ1 thì anh Đ cũng xác định vợ chồng ly thân đã lâu nên cần chấp nhận cho chị K ly hôn với anh Đ là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị K và anh Đ có 01 con chung là Vũ Thị Hà L, sinh ngày 11/9/2011. Hiện cháu đang ở cùng với chị K, do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy hiện anh Đ không có ở Việt Nam để chăm sóc con chung, con chung đã sống ổn định với chị K và cũng có nguyện vọng tiếp tục ở với chị K. Do đó cần chấp nhận cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành và chấp nhận sự tự nguyện của chị K không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị K và anh Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị K là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273, khoản 2 Điều 479 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 474, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị K được ly hôn anh Vũ Xuân Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Vũ Thị K được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Thị Hà L, sinh ngày 11/9/2011 đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị K không yêu cầu anh Vũ Xuân Đ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Vũ Xuân Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2018/0002122 ngày 29/4/2020. Chị K đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Vũ Xuân Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND Xã Y, huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đăng Huy

